

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: NHI KHOA
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

HÀ NỘI – 2012

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Nhi khoa (Pediatrics)

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..01 ../2012/TT-BGDĐT

ngày ...13 ..tháng ..01 ..năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ Nhi khoa có y đức, có lòng yêu trẻ, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để tham gia xác định, đề xuất và giải quyết các vấn đề sức khỏe trẻ em, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho trẻ em và nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ em, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp trong chuyên môn, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.
- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý ở trẻ em để chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cho trẻ em.
- Có kiến thức để chẩn đoán và xử trí được các bệnh và tình trạng cấp cứu nhi khoa thường gặp
- Nắm vững phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.
- Nắm vững đúng chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho trẻ em.

Về kỹ năng

- Kỹ năng thăm khám trẻ bình thường, đánh giá được sự phát triển thể chất, tâm thần, vận động của trẻ khỏe mạnh.
- Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý thường gặp ở trẻ em.
- Chẩn đoán và xử lý các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường ở trẻ em.
- Thực hiện được các kỹ năng cơ bản lâm sàng nhi khoa.
- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thường gặp ở trẻ em.
- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch cho trẻ em.
- Áp dụng được một số bài thuốc y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh cho trẻ em.
- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ và người nuôi trẻ về chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho trẻ em để bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ em.

- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
- Tham gia nghiên cứu khoa học.

2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- *Khối lượng kiến thức tối thiểu:* 304 đơn vị học trình (đvht) chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - An ninh (11đvht)

- *Thời gian đào tạo:* 6 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

| TT | Khối lượng học tập | ĐVHT |
|------------------|---|-----------------------|
| 1 | Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh) | 60 |
| 2 | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu , trong đó: Kiến thức cơ sở của ngành Kiến thức ngành (Kể cả kiến thức chuyên ngành) Kiến thức bổ trợ (tự chọn) Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận) | 55 110 64 15 |
| Tổng cộng | | 304 |

3. KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC

3.1. Danh mục các phần học bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

55 đvht (49LT - 6TH)

| TT | TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN | TỔNG SỐ ĐVHT | PHÂN BỐ ĐVHT | |
|---------------------------------|--|--------------|--------------|-----------|
| | | | LT | TH |
| Các môn chung | | | | |
| 1. | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin | 8 | 8 | 0 |
| 2. | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | 3 | 0 |
| 3. | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | 4 | 4 | 0 |
| 4. | Ngoại ngữ (có ngoại ngữ chuyên ngành) | 12 | 12 | 0 |
| 5. | Tin học đại cương | 2 | 1 | 1 |
| 6. | Giáo dục thể chất* | 5* | 2* | 3* |
| 7. | Giáo dục quốc phòng – an ninh* | 11* | 11* | |
| Các môn cơ sở khối ngành | | | | |
| 8. | Dân số học | 2 | 2 | 0 |
| 9. | Sinh học và di truyền | 5 | 4 | 1 |
| 10. | Lý sinh | 4 | 3 | 1 |
| 11. | Hóa học | 5 | 4 | 1 |
| 12. | Tin học ứng dụng | 2 | 1 | 1 |
| 13. | Xác suất- Thống kê y học | 3 | 2 | 1 |
| 14. | Tâm lý y học - Đạo đức y học | 3 | 3 | 0 |
| 15. | Truyền thông và Giáo dục sức khoẻ | 2 | 2 | 0 |
| Tổng cộng | | 55* | 49* | 6* |

* Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành:

55 đvht (41LT- 14TH)

| TT | TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN | TỔNG SỐ ĐVHT | PHÂN BỐ ĐVHT | |
|------------------|---|--------------|--------------|-----------|
| | | | LT | TH |
| 1 | Giải phẫu | 7 | 5 | 2 |
| 2 | Mô phôi | 4 | 3 | 1 |
| 3 | Sinh lý | 6 | 5 | 1 |
| 4 | Hoá sinh | 5 | 4 | 1 |
| 5 | Vi sinh y | 5 | 4 | 1 |
| 6 | Ký sinh trùng | 4 | 3 | 1 |
| 7 | Giải phẫu bệnh | 3 | 2 | 1 |
| 8 | Sinh lý bệnh – Miễn dịch | 4 | 3 | 1 |
| 9 | Dược lý | 5 | 4 | 1 |
| 10 | Chẩn đoán hình ảnh | 3 | 2 | 1 |
| 11 | Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm | 3 | 2 | 1 |
| 12 | Dịch tễ học | 3 | 2 | 1 |
| 13 | Điều dưỡng cơ bản nhi khoa | 3 | 2 | 1 |
| Tổng cộng | | 55 | 41 | 14 |

3.1.2.3. Kiến thức ngành:

110 đvht (44 LT - 66TH)

| TT | TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN | TỔNG SỐ ĐVHT | PHÂN BỐ ĐVHT | |
|----|-----------------------|--------------|--------------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Nội cơ sở | 5 | 2 | 3 |
| 2 | Ngoại cơ sở | 5 | 2 | 3 |
| 3 | Nội bệnh lý | 5 | 2 | 3 |
| 4 | Ngoại bệnh lý | 5 | 2 | 3 |
| 5 | Phụ sản | 5 | 2 | 3 |

| | | | | |
|------------------|---|------------|-----------|-----------|
| 6 | Y học cổ truyền | 4 | 2 | 2 |
| 7 | Da liễu | 3 | 2 | 1 |
| 8 | Phục hồi chức năng | 3 | 2 | 1 |
| 9 | Thần kinh | 3 | 2 | 1 |
| 10 | Tâm thần nhi | 3 | 2 | 1 |
| 11 | Răng hàm mặt nhi khoa | 3 | 2 | 1 |
| 12 | Tai mũi họng nhi khoa | 3 | 2 | 1 |
| 13 | Nhãn khoa trẻ em | 3 | 2 | 1 |
| 14 | Tổ chức, quản lý y tế và chương trình y tế quốc gia về chăm sóc sức khỏe trẻ em | 3 | 2 | 1 |
| 15 | Nhi khoa cơ sở | 5 | 2 | 3 |
| 16 | Nhi khoa xã hội | 5 | 2 | 3 |
| 17 | Nhi khoa cộng đồng | 2 | 0 | 2 |
| 18 | Bệnh lý hô hấp nhi khoa | 4 | 1 | 3 |
| 19 | Bệnh lý thần kinh – tâm thần nhi khoa | 4 | 1 | 3 |
| 20 | Bệnh lý huyết học – ung thư nhi khoa | 4 | 1 | 3 |
| 21 | Bệnh lý nội tiết – chuyển hóa – di truyền nhi khoa | 4 | 1 | 3 |
| 22 | Bệnh lý thận – tiết niệu – sinh dục | 4 | 1 | 3 |
| 23 | Bệnh lý tim mạch nhi khoa | 4 | 1 | 3 |
| 24 | Bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng nhi khoa | 4 | 1 | 3 |
| 25 | Bệnh lý sơ sinh – chu sinh học | 4 | 1 | 3 |
| 26 | Bệnh lý hồi sức cấp cứu | 4 | 1 | 3 |
| 27 | Bệnh lý truyền nhiễm nhi khoa | 4 | 1 | 3 |
| 28 | Ngoại Nhi | 5 | 2 | 3 |
| Tổng cộng | | 110 | 44 | 66 |

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

8 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

3 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

4 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ

12 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương

2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word. Dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất

5 đvht

Theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao)

7. Giáo dục quốc phòng và an ninh

11 đvht

Theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Dân số học

2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm cơ bản về dân số và phát triển; các phương pháp nghiên cứu và tính toán các chỉ số liên quan đến dân số; mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế; các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

9. Sinh học và di truyền

5 đvht

Nội dung gồm các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền cần thiết, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.

10. Lý sinh

4 đvht

Nội dung gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

11. Hóa học

5 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

12. Tin học ứng dụng

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê, những phần mềm này rất thiết thực trong công tác quản lý và xử lý số liệu nghiên cứu y sinh học.

13. Xác suất - Thống kê y học

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng

Nội dung bao gồm một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức và trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

14. Tâm lý y học – đạo đức y học

3 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

15. Truyền thông và giáo dục sức khỏe

2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe.

16. Giải phẫu

6 đvht

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận/ cơ quan/ hệ cơ quan của cơ thể người; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- Giải phẫu I - 3 đvht. Nội dung gồm: Giải phẫu đầu mặt cổ, chi trên, ngực.

- Giải phẫu II - 3 đvht. Nội dung gồm: Giải phẫu bụng, chi dưới..

17. Mô phôi

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

18. Sinh lý

6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, hoá học, giải phẫu

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể trẻ em với môi trường; vận dụng được những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào việc học tập các môn lâm sàng nhi khoa.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- Sinh lý 1: 3 đvht - Nội dung gồm: Sinh lý tuần hoàn, hô hấp, thần kinh và nội tiết

- Sinh lý 2: 3 đvht - Nội dung gồm: Sinh lý hệ thống tạo máu, tiêu hoá, tiết niệu.

19. Hóa sinh

5 đvht

Điều kiện: Hóa học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực nhi khoa.

20. Vi sinh

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

21. Ký sinh trùng

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo của ký sinh trùng, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển và đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; phân tích mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

22. Giải phẫu bệnh

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, mô phôi

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những

biểu hiện lâm sàng của bệnh; giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học cả về lý thuyết và thực hành để xác định chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở Việt Nam.

23. Sinh lý bệnh – miễn dịch

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn.

24. Dược lý

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, sinh lý

Nội dung gồm cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm; phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

25. Chẩn đoán hình ảnh

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh và giải phẫu

Nội dung gồm chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ...

26. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: hóa sinh, vi sinh

Nội dung bao gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng

đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

27. Dịch tễ học

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của trẻ em trong cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

28. Điều dưỡng cơ bản nhi khoa

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; trình bày cách xử trí với từng tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí thành thạo các tình huống sơ cứu thông thường.

29. Nội cơ sở

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm các kỹ thuật khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh nội khoa.

30. Ngoại cơ sở

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; một số kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng

lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

31. Nội bệnh lý

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý.

Nội dung gồm cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính một số bệnh nội khoa thường gặp.

32. Ngoại bệnh lý

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, Chẩn đoán hình ảnh

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh; các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

33. Phụ sản

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường; chẩn đoán, định hướng và xử trí ban đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu; chẩn đoán thai nghén bệnh lý, một số bệnh phụ khoa hay gặp. Tư vấn về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản lứa tuổi vị thành niên.

34. Y học cổ truyền

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm những điểm cơ bản về lý luận, thuốc đông dược và các phương pháp chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền. Kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh thông thường ở trẻ em. Các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, thủy châm để điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng.

35. Da liễu

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm các thương tổn cơ bản các bệnh da liễu thông thường ở trẻ em. Điều trị và phòng chống các bệnh da liễu thông thường ở tuyến cơ sở. Các nội dung cơ bản của chương trình phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

36. Phục hồi chức năng nhi khoa

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật ở trẻ em; các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong phục hồi chức năng: vận động điều trị, giao tiếp, sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng.

37. Thần kinh

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp. Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng cơ bản trong thần kinh: Hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thất lưng hông.

38. Tâm thần

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm các khái niệm về sức khỏe tâm thần, các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần hiện nay. Các biểu hiện về triệu chứng, hội chứng học trong thực hành tâm thần học; Xử trí các trạng thái cấp cứu trong tâm thần. Tổ chức chăm sóc, theo dõi bệnh nhi tâm thần ở cộng đồng. Các phương pháp điều trị, dự phòng các rối loạn tâm thần

39. Răng hàm mặt nhi khoa

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các đặc điểm hình thái và chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn). Thực trạng và phương hướng giải quyết

các vấn đề răng miệng ở Việt Nam. Nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng miệng phổ biến ở trẻ em: sâu răng và nha chu viêm. Đặc điểm chủ yếu của các nhiễm trùng răng hàm mặt. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho trẻ em.

40. Tai mũi họng nhi khoa

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, nội cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp ở trẻ em; chẩn đoán định hướng và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đi đúng tuyến chuyên khoa. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng.

41. Nhãn khoa trẻ em

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm giải phẫu và sinh lý mắt. Triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường ở trẻ em. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

42. Tổ chức, quản lý y tế và chương trình y tế quốc gia về CSSKTE 3 đvht

Nội dung gồm:

- Các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam; mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động, chương trình y học dự phòng.

- Hệ thống các chương trình y tế quốc gia về chăm sóc sức khỏe trẻ em, từ tình hình dịch tễ, các chính sách đến các chương trình can thiệp.

43. Nhi khoa cơ sở

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở

Nội dung gồm đặc điểm giải phẫu, sinh lý, nhu cầu dinh dưỡng và đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động của trẻ em.

44. Nhi khoa xã hội

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa, chương trình lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, chương trình y tế học đường. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ và người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ em.

45. Nhi khoa cộng đồng

2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nhi khoa xã hội.

Nội dung gồm thiết kế và thực hiện chẩn đoán sức khỏe cộng đồng tại nhà trẻ, y tế cơ sở và bước đầu lập kế hoạch can thiệp.

46. Bệnh lý hô hấp nhi khoa

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý hô hấp trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu hô hấp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh hô hấp cho trẻ em.

47. Bệnh lý thần kinh – tâm thần nhi khoa

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý thần kinh – tâm thần trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu thần kinh – tâm thần ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh thần kinh – tâm thần cho trẻ em.

48. Bệnh lý huyết học – ung thư nhi khoa

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý huyết học – ung thư trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu huyết học – ung thư ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh huyết học – ung thư cho trẻ em.

49. Bệnh lý nội tiết – chuyển hóa – di truyền nhi khoa

4đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý nội tiết – chuyển hóa – di truyền trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu nội tiết – chuyển hóa – di truyền nhi khoa. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng các bệnh lý nội tiết – chuyển hóa – di truyền ở trẻ em.

50. Bệnh lý thận – tiết niệu – sinh dục

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý thận – tiết niệu – sinh dục trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu thận – tiết niệu – sinh dục ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh thận – tiết niệu – sinh dục cho trẻ em.

51. Bệnh lý tim mạch nhi khoa

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý tim mạch trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu nội khoa tim mạch ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh tim mạch cho trẻ em.

52. Bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng nhi khoa

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu tiêu hóa – dinh dưỡng ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh tiêu hóa – dinh dưỡng cho trẻ em.

53. Bệnh lý sơ sinh – chu sinh học

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý sơ sinh – chu sinh học trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu sơ sinh – chu sinh học ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh sơ sinh – chu sinh học cho trẻ em.

54. Bệnh lý hồi sức cấp cứu

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý cấp cứu trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu nội khoa ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và dự phòng các bệnh cấp cứu cho trẻ em.

55. Bệnh lý truyền nhiễm nhi khoa

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý truyền nhiễm trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ em.

56. Ngoại nhi

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, các nguyên tắc xử trí ban đầu, chỉ định và nguyên tắc điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp ở trẻ em.

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO BÁC SĨ NHI KHOA ĐỂ THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỤ THỂ:

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo .

4.1. Chương trình khung đào tạo Bác sĩ Nhi khoa

Chương trình khung đào tạo Bác sĩ Nhi khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/ khoa y của các trường đại học được phép đào tạo Bác sĩ Nhi khoa.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 6 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ

trong toàn khoá học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tuỳ theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành Nhi khoa theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Nhi khoa hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Nhi khoa đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Nhi khoa đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tuỳ theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khoá học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

a. Thực tập:

Tổ chức thực tập tại các phòng thí nghiệm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuỳ theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, nhà trường quy định

điểm kết thúc mỗi học phần là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

b. Thực hành lâm sàng

Sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành lâm sàng bệnh viện càng sớm càng tốt, thường được bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V.

c. Thực tế tại cộng đồng

+ Đợt I: vào năm thứ ba sau khi sinh viên đã học xong các môn học y học cơ sở, y học tiền lâm sàng, cơ sở ngành.

+ Đợt II: vào cuối năm thứ năm sau khi sinh viên đã học xong một số môn về kiến thức ngành.

4.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp

a. Thực tập nghề nghiệp:

Thực hành cận lâm sàng: Tại các phòng thí nghiệm của trường, bệnh viện.

Thực hành lâm sàng: Tại cơ sở y tế ở các tuyến.

Thực tế tại cộng đồng: Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

b. Thi tốt nghiệp:

Thời gian ôn thi và khóa luận: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian thi: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hình thức thi: có 2 hình thức

+ Khoá luận tốt nghiệp, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị

+ Thi lý thuyết, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo Bác sỹ Nhi khoa

Để đào tạo Bác sỹ Nhi khoa, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà Trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân

lực y tế trình độ đại học, các Trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức: Các Khoa/ Bộ môn tối thiểu phải có:

Đủ các khoa, bộ môn để tổ chức giảng dạy các môn học, học phần thuộc kiến thức tối thiểu khối ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình khung đào tạo Bác sỹ Nhi khoa.

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Đủ các phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng mục tiêu đào tạo các môn học/học phần thuộc kiến thức tối thiểu khối ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình khung đào tạo Bác sỹ Nhi khoa.

Đủ màng lưới các Bệnh viện thực hành, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu đào tạo Bác sỹ Nhi khoa...

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

PHỤ LỤC

Đề xuất danh mục một số học phần bổ trợ

1. Danh mục một số học phần bổ trợ: 70 ĐVHT - gồm các môn lâm sàng, cận lâm sàng gợi ý sau:

- Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Dị ứng
- Y học hạt nhân
- Chấn thương chỉnh hình
- Kinh tế y tế
- Dược lý lâm sàng (Dược lý 2)
- Y học gia đình
- Thực tập cộng đồng
- Phẫu thuật thực hành
- Sức khỏe môi trường và sức khỏe lứa tuổi
- Kỹ năng giao tiếp nhi khoa
- HIV – AIDS trẻ em
- Y học bằng chứng..

2. Mô tả nội dung một số kiến thức bổ trợ:

2.1. Dị ứng

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hoá học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hoá sinh, Sinh lý bệnh-Miễn dịch, Vi sinh, Ký

sinh trùng, Tâm lý y học-Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn ở trẻ em. Cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng: sốc phản vệ, cơ hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù Quincks... Hướng dẫn được cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.

2.2. Y học hạt nhân

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần: Sinh học và di truyền, Hoá học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hoá sinh, Sinh lý bệnh-Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học-Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Các nguyên lý và ưu điểm của một số phương pháp chẩn đoán y học hạt nhân in vitro như IRMA, RIA và ứng dụng. Cơ chế, nguyên lý và ưu điểm chẩn đoán y học hạt nhân in vitro thường dùng. Sử dụng các kỹ thuật y học hạt nhân thích hợp trong công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành của mình. Cơ chế, nguyên lý và ưu nhược điểm một số phương pháp điều trị phổ biến bằng y học hạt nhân. Nguyên lý, cơ chế, các biện pháp kiểm soát và an toàn bức xạ.

2.3. Kinh tế y tế

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần: Sinh học và di truyền, Giải phẫu, Lý sinh, Hoá học, Sinh lý, Hoá sinh

Các khái niệm cơ bản về kinh tế, kinh tế y tế; mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển; các bước của quá trình phân tích chi phí. So sánh các mô hình tài chính y tế; phân tích ưu, nhược điểm của viện phí; phân tích khó khăn khi thực hiện bảo hiểm y tế; phân tích chi phí cho một dự án, chi phí hộ gia đình cho sức khoẻ; phân tích, lựa chọn can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.

2.4. Dược lý lâm sàng

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần Sinh học và di truyền, Hoá học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hoá sinh, Sinh lý bệnh-Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học-Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Sản, Nhi, Nội bệnh học, Ngoại bệnh học.

Kiến thức về tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị như dược động học, tác dụng không mong muốn, những chống chỉ định, thận trọng... để thầy thuốc có thể kê đơn được an toàn và hợp lý cho trẻ em.

2.5.. Sức khỏe môi trường và sức khỏe lứa tuổi

Nội dung trình bày về các yếu tố ảnh hưởng lên sức khoẻ trẻ em; các yếu tố gây ô nhiễm: nguồn gốc, yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên

sức khoẻ con người; các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau; các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động; các ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động ảnh hưởng tới sức khoẻ người lao động.

2.6. Thực tập cộng đồng

Điều kiện: Truyền thông và giáo dục sức khoẻ

Với học phần thực tập cộng đồng 1 sinh viên được làm quen với các điều kiện sống, tình hình sức khoẻ, bệnh tật của cộng đồng và bước đầu thực hành giáo dục sức khoẻ, giáo dục môi trường.